

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỖ

Tên

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 01 năm 2010.

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 VND.

• Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 39435447

Fax : (84-08) 39435466

Mã số thuế : 0302525162

Mã chứng khoán HMM

Địa chỉ và trụ sở các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ : Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, TP. Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200822416

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0313979946

Mã số thuế : 0200859007

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39435440

Fax : (84-8) 39435441

Mã số thuế : 0303901733

Mã chứng khoán

Công ty liên kết

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mã số thuế : 0102117575

Điện thoại : (84 4) 39331199

Fax : (84 4) 39331919

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh:

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 08) 38267654

Fax : (84 - 08) 39435498

Mã số thuế : 0310316130

- Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 25).

Sự kiện sau ngày kết thúc sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc;

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Stt</u>	<u>Tên Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1.	Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch
2.	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên
3.	Ông Nguyễn Thành Chương	Ủy viên
4.	Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
5.	Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
6.	Bà Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên

Ban Giám đốc

<u>Stt</u>	<u>Tên Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1.	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Giám đốc
2.	Ông Nguyễn Thế Hưng	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

<u>Stt</u>	<u>Tên Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1.	Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên
3.	Ông Triệu Đình Trung	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc.



NGUYỄN QUỐC HÙNG – Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Số: 0096/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hải Minh gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

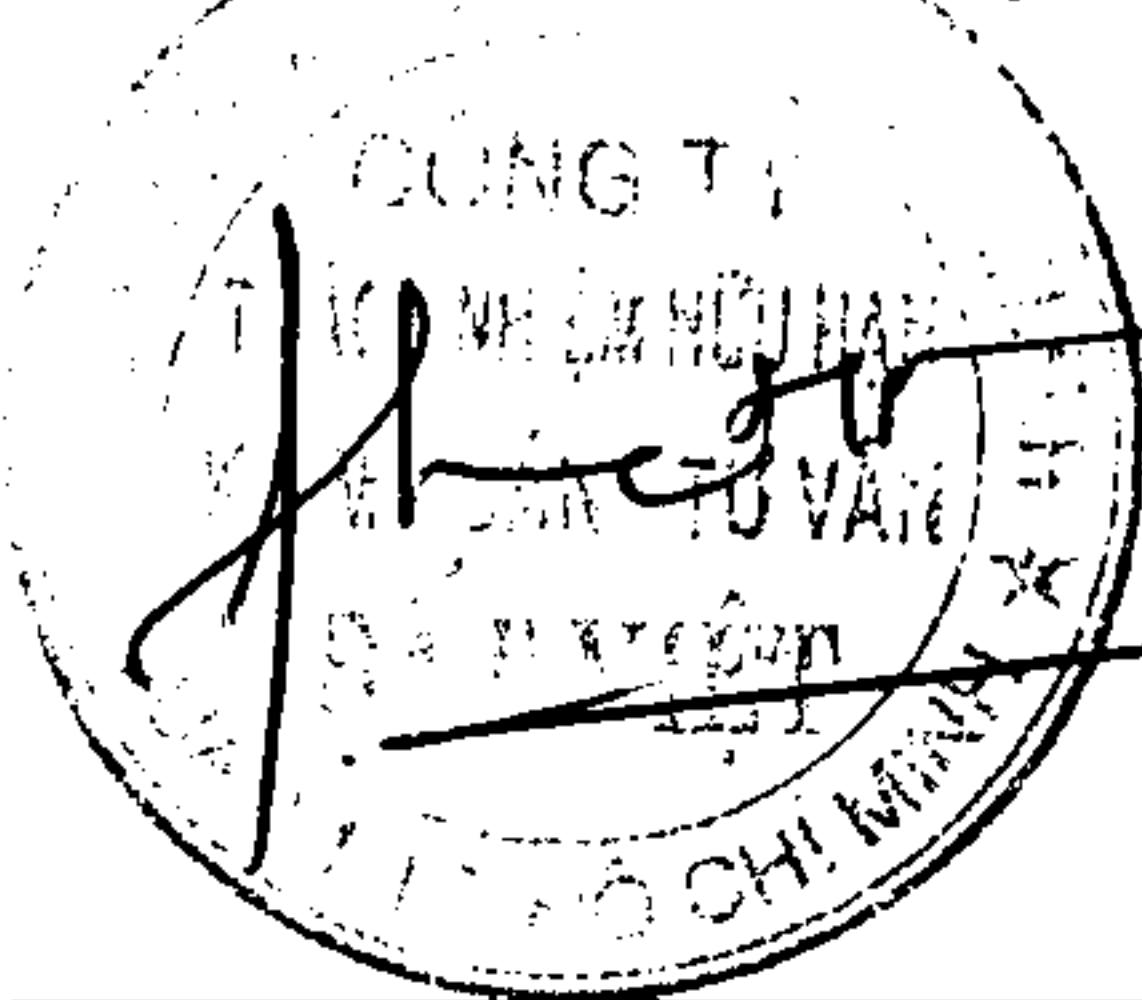
Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Hải Minh, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2012



VÕ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.148.791.450	73.352.000.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	57.678.932.405	38.225.431.179
1. Tiền	111		14.965.209.801	5.625.431.179
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.713.722.604	32.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.449.487.201	32.475.863.859
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	34.047.030.454	32.038.414.987
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	2.491.011.668	-
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	2.004.445.079	483.948.872
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(93.000.000)	(46.500.000)
IV. Hàng tồn kho	140		349.309.487	-
Hàng tồn kho	141	V.7	349.309.487	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.671.062.357	2.650.705.341
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.5	156.378.574	1.458.845.048
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	15.981.059
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		390.857.176	10.875.380
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	1.123.826.607	1.165.003.854
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.161.449.050	101.862.527.095
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.624.990.426	43.459.477.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	37.504.990.426	42.339.477.958
Nguyên giá	222		71.665.621.693	69.743.191.598
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.160.631.267)	(27.403.713.640)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	1.120.000.000	1.120.000.000
Nguyên giá	228		1.137.000.000	1.137.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.000.000)	(17.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.9	57.881.716.481	53.474.330.892
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		51.081.716.481	46.174.330.892
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6.800.000.000	7.300.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.942.597.741	474.144.963
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.10	1.674.304.883	163.498.185
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.11	268.292.858	310.646.778
VI. Lợi thế thương mại	269		3.712.144.402	4.454.573.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		200.310.240.500	175.214.527.474

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

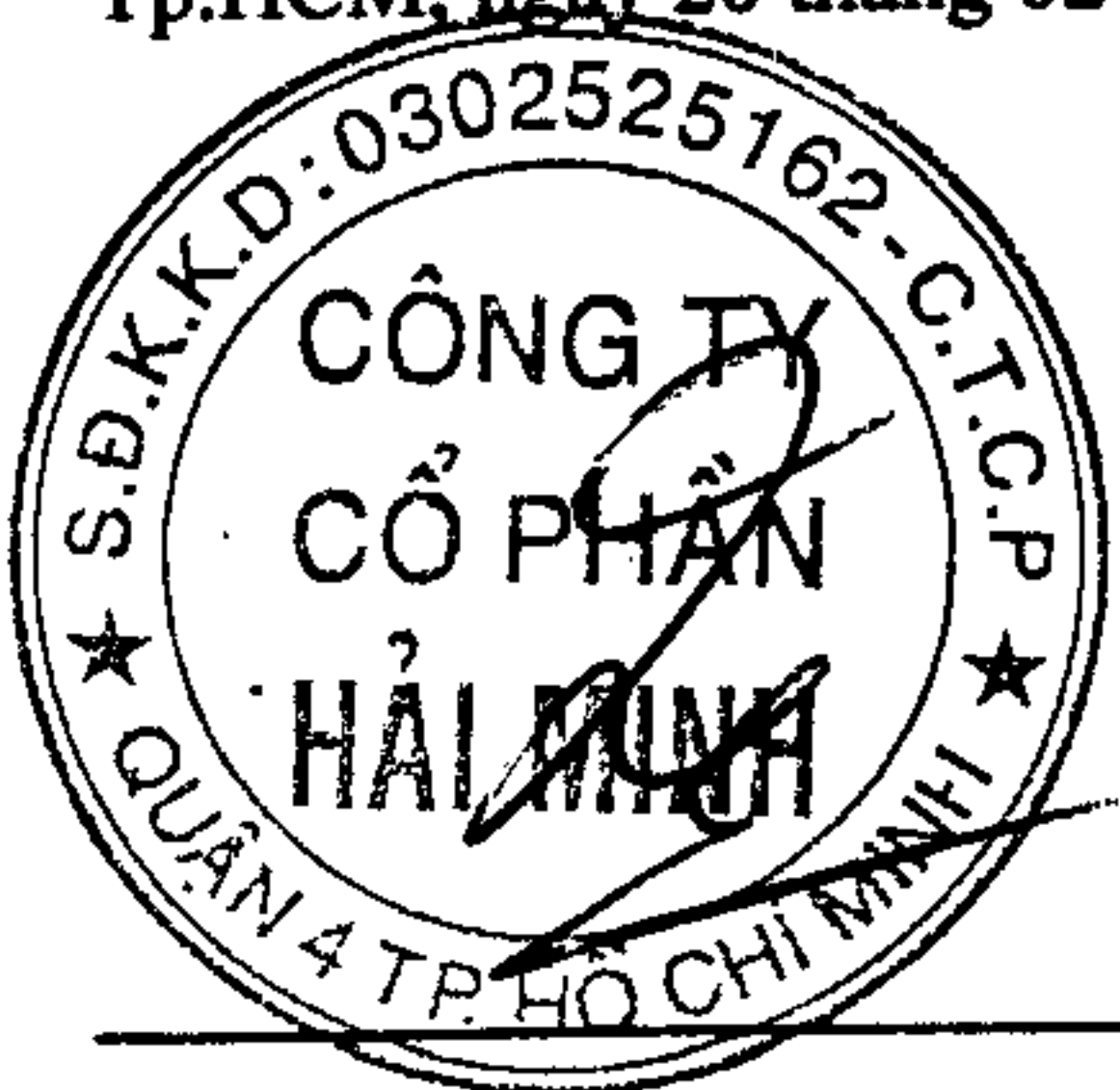
Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		36.321.956.246	26.505.767.618
I. Nợ ngắn hạn	310		36.087.593.525	25.539.319.278
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.12	342.563.969	-
2. Phải trả người bán	312	VI.13	22.119.769.829	16.976.294.521
3. Người mua trả tiền trước	313		5.589.260	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.14	4.917.319.830	3.218.706.116
5. Phải trả người lao động	315		1.136.510.442	469.842.328
6. Chi phí phải trả	316		16.450.000	32.972.272
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	VI.15	6.653.180.700	3.734.182.896
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		495.264.372	782.776.022
9. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		400.945.123	324.545.123
II. Nợ dài hạn	330		234.362.721	966.448.340
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		234.362.721	966.448.340
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.635.027.819	145.428.833.248
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.16	160.635.027.819	145.428.833.248
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		73.574.960.000	56.163.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	19.339.670.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.571.898.630)	(1.901.520.795)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	7.492.877
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.051.360.115	2.051.360.115
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.168.311.136	2.011.911.136
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		84.483.785.198	67.756.119.915
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		3.353.256.435	3.279.926.608
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		200.310.240.500	175.214.527.474

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:	05			
- Dollar Mỹ (USD)			90.372,00	29.253,00
- Dollar Singapore (SGD)			402,18	1.750,00

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

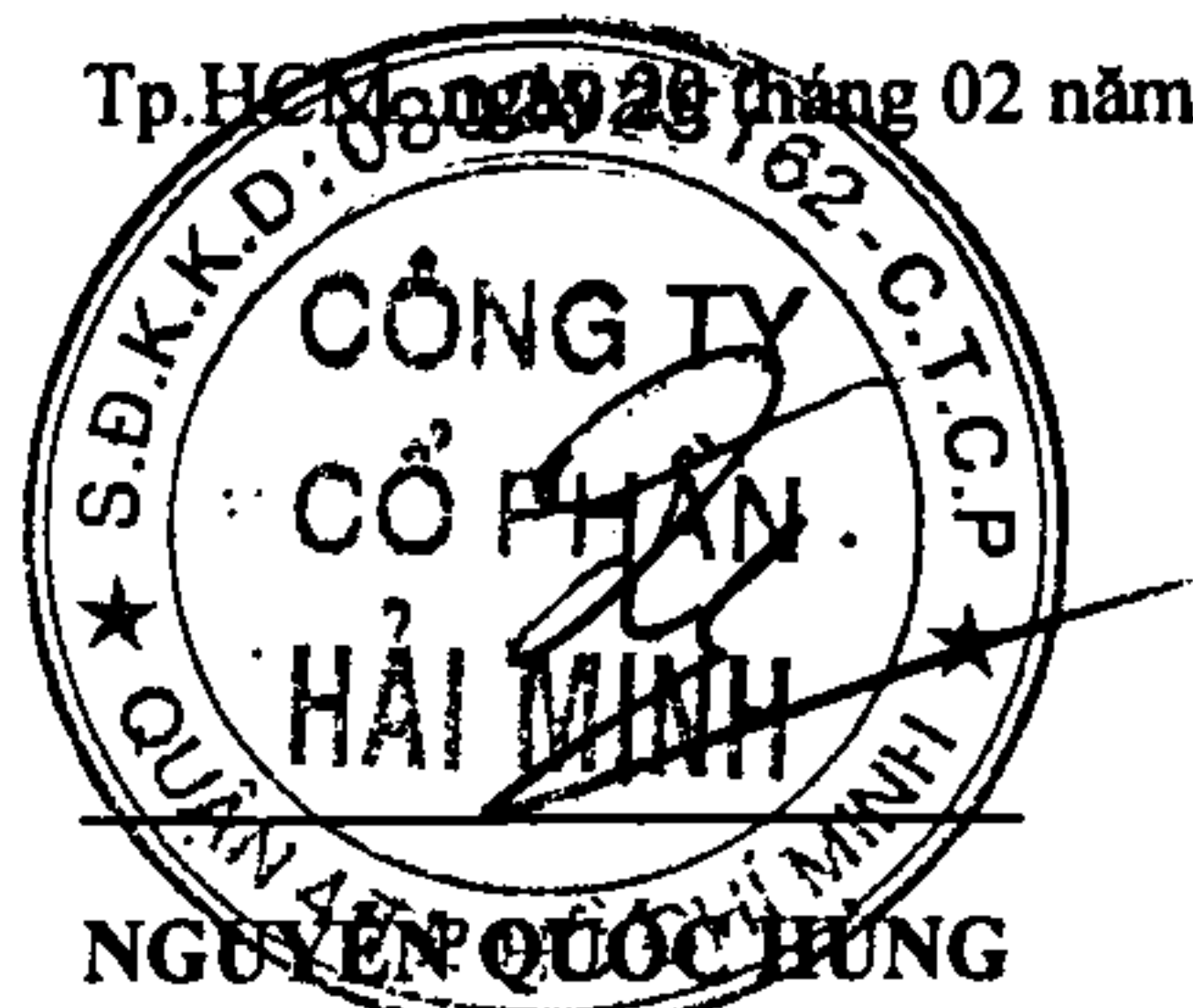
Năm 2011

(Có so sánh với số liệu năm 2010)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	117.834.580.420	103.257.828.522
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		117.834.580.420	103.257.828.522
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	90.501.125.443	79.453.543.132
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.333.454.977	23.804.285.390
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	7.286.125.260	6.166.218.152
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	301.536.057	523.413.774
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		48.761.914	
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	25	VII.5	10.735.248.535	9.424.337.654
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.582.795.645	20.022.752.114
11 Thu nhập khác	31	VII.6	1.516.906.870	249.664.987
12 Chi phí khác	32	VII.7	445.064.989	2.161.780.902
13 Lợi nhuận khác	40		1.071.841.881	(1.912.115.915)
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		20.098.151.685	21.822.572.695
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.752.789.211	39.933.208.894
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VII.8	4.496.562.447	5.241.338.914
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>40.256.226.764</u>	<u>34.691.869.980</u>
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		425.353.984	316.931.250
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		<u>39.830.872.780</u>	<u>34.374.938.730</u>
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.9	<u>7.097</u>	<u>6.320</u>

Tp. HCM ngày 29 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		44.752.789.211	39.933.208.894
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		9.228.347.116	8.664.062.135
- Các khoản dự phòng	03		-	(995.550.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(27.321.750)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.910.894.370)	(6.160.247.448)
- Chi phí lãi vay	06		48.761.914	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		36.091.682.121	41.441.473.581
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.731.664.032)	(13.612.849.639)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(349.309.487)	265.534.500
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.861.852.048	10.029.894.388
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(208.340.224)	(1.062.288.262)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(48.761.914)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.821.644.979)	(2.974.644.147)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.019.442.689
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.554.167.090)	(2.475.440.417)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		29.239.646.443	32.631.122.693
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.442.193.584)	(6.481.420.590)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.220.000.000	249.664.987
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.907.385.589)	(5.884.300.000)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		500.000.000	4.943.790.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.959.228.370	6.160.247.448
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		10.329.649.197	(1.012.018.155)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.670.377.835)	(1.901.520.795)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		373.651.267	747.670.287
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31.087.298)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.815.302.298)	(16.671.550.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(20.143.116.164)	(17.825.400.508)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		19.426.179.476	13.793.704.030
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		38.225.431.179	24.424.234.272
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.321.750	7.492.877
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	57.678.932.405	38.225.431.179

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản Xuất – Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Năm 2011 là năm tài chính thứ 10 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD

Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD.

Ngày 31/12/2011 là: 16.000 VND/SGD

Ngày 31/12/2011 là: 27.044 VND/EUR

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.*

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các Công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Đơn vị tính: VND	
Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tiền mặt	2.300.145.036	693.917.631	
Tiền VND	2.264.342.608	620.737.285	
SGD quy đổi VND	6.434.948	24.124.548	
USD quy đổi VND	29.367.480	49.055.798	
Tiền gửi ngân hàng	55.378.787.369	37.531.513.548	
Tiền VND	2.809.042.986	4.422.088.333	
Tiền USD quy đổi sang VND	1.856.021.779	509.425.215	
Các khoản tương đương tiền	50.713.722.604	32.600.000.000	
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	57.678.932.405	38.225.431.179	
2. Phải thu khách hàng		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	15.962.042.588	13.925.141.811	
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	5.690.006.699	4.650.560.709	
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	10.377.657.732	12.096.505.185	
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	2.017.323.435	1.366.207.282	
Cộng	34.047.030.454	32.038.414.987	
3. Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Hải Minh	2.298.811.668	-	
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	192.200.000	-	
Cộng	2.491.011.668	-	
4. Các khoản phải thu khác			
Công ty Cổ phần Hải Minh	1.362.612.549	190.350.657	
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	73.598.197	11.320.713	
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	308.272.265	188.370.205	
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	259.962.068	93.907.297	
Cộng	2.004.445.079	483.948.872	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	121.207.823	557.182.531
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	8.182.706	261.542.381
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	574.363.635
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	26.988.045	65.756.501
Cộng	<u>156.378.574</u>	<u>1.458.845.048</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	283.645.877	282.765.052
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	351.864.900	491.776.371
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	351.513.625	296.951.457
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	136.802.205	93.510.974
Cộng	<u>1.123.826.607</u>	<u>1.165.003.854</u>

7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>
I Nguyên giá					
1 Số đầu năm	17.610.397.821	7.630.869.752	43.901.140.392	600.783.633	69.743.191.598
2 Tăng trong năm	-	-	4.102.922.829	339.270.755	4.442.193.584
3 Giảm trong năm	-	-	2.519.763.489	-	2.519.763.489
4 Số cuối năm	<u>17.610.397.821</u>	<u>7.630.869.752</u>	<u>45.484.299.732</u>	<u>940.054.388</u>	<u>71.665.621.693</u>
II Hao mòn lũy kế					
1 Số đầu năm	5.911.672.835	4.378.464.359	16.666.907.276	446.669.170	27.403.713.640
2 Tăng trong năm	1.722.593.610	1.262.922.732	6.119.609.752	123.221.022	9.228.347.116
3 Giảm trong năm	-	-	2.471.429.489	-	2.471.429.489
4 Số cuối năm	<u>7.634.266.445</u>	<u>5.641.387.091</u>	<u>20.315.087.539</u>	<u>569.890.192</u>	<u>34.160.631.267</u>
III Giá trị còn lại					
1 Số đầu năm	<u>11.698.724.986</u>	<u>3.252.405.393</u>	<u>27.234.233.116</u>	<u>154.114.463</u>	<u>42.339.477.958</u>
2 Số cuối năm	<u>9.976.131.376</u>	<u>1.989.482.661</u>	<u>25.169.212.193</u>	<u>370.164.196</u>	<u>37.504.990.426</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tài sản cố định vô hình-Phần mềm máy tính</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Cộng tài sản vô hình</i>
I Nguyên giá			
1 Số đầu năm	17.000.000	1.120.000.000	1.137.000.000
2 Tăng trong năm	-	-	-
3 Giảm trong năm	-	-	-
4 Số cuối năm	17.000.000	1.120.000.000	1.137.000.000
II Hao mòn lũy kế			
1 Số đầu năm	17.000.000	-	17.000.000
2 Tăng trong năm	-	-	-
3 Giảm trong năm	-	-	-
4 Số cuối năm	17.000.000	-	17.000.000
III Giá trị còn lại			
1 Số đầu năm	-	1.120.000.000	1.120.000.000
2 Số cuối năm	-	1.120.000.000	1.120.000.000

9. Đầu tư tài chính dài hạn

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	51.081.716.481	46.174.330.892
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	7.300.000.000
Cộng	57.881.716.481	53.474.330.892

10. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chỉ tiêu</i>		
Công ty Cổ phần Hải Minh	1.343.718.036	133.178.619
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	106.736.544	30.319.566
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	223.850.303	-
Cộng	1.674.304.883	163.498.185

11. Tài sản dài hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	215.680.858	261.246.778
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	3.212.000	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	49.400.000	49.400.000
Cộng	268.292.858	310.646.778

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tăng Trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Nợ dài hạn đến hạn trả - NH TMCP Kỹ thương CN HP (EUR) (*)	-	373.651.267	31.087.298	342.563.969
Cộng	-	373.651.267	31.087.298	342.563.969

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 122009 HĐTD/SME-DN/TCBHP-HM ngày 11/02/2010:

- Số tiền vay : 63.500 EUR;
- Lãi suất vay : 10%/năm, Lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng /lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất tiết kiệm thường tiền EUR 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank - CN HP tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,7 % /năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi bên Techcombank;
- Thời hạn cho vay : 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên;
- Mục đích vay : Thanh toán tiền cho nhà cung cấp đầu vào mua 02 xe ô tô đầu kéo sơ mi rơ mooc.
- Tài sản đảm bảo : Xe nâng Reach Stacker Kalmar đã qua sử dụng, sản xuất năm 2004.

Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 4087 ngày 11/02/2010:

- Số tiền vay : 38.000 EUR;
- Lãi suất vay : 10%/năm, Lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng /lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất tiết kiệm thường tiền EUR 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank - CN HP tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,7 % /năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi bên Techcombank;
- Thời hạn cho vay : 36 tháng kể từ ngày 11/02/2010 đến 11/02/2013;
- Mục đích vay : Thanh toán tiền nhập khẩu xe nâng Kalmar theo LC số TF 0932101003/HPG mở ngày 17/11/2009.

Tài sản đảm bảo: Xe nâng Reach Stacker Kalmar đã qua sử dụng, sản xuất năm 2004.

13. Phải trả người bán

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	15.999.626.923	11.910.298.808
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	2.166.286.706	856.758.515
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	3.517.578.400	3.925.304.098
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	436.277.800	283.933.100
Cộng	22.119.769.829	16.976.294.521

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Thuế và các khoản phải nộp khác

Stt	Chỉ tiêu	Phải nộp đầu năm	Phải nộp tăng trong năm	Đã nộp trong năm	Còn phải nộp cuối năm
I	Thuế phải nộp Nhà nước	3.202.451.434	10.551.371.504	8.886.105.144	4.867.717.794
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	307.566.505	3.840.151.528	3.904.854.559	242.863.474
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.656.327.035	4.496.562.447	2.821.644.979	4.331.244.503
3.	Các loại thuế khác	238.557.894	2.214.657.529	2.159.605.606	293.609.817
	+ Thuế thu nhập cá nhân	203.340.161	1.532.235.094	1.491.713.388	243.861.867
	- Tại TP.HCM	61.237.405	92.372.734	69.920.708	83.689.431
	- Tại Hải Phòng	(7.875.380)	35.526.745	17.242.357	10.409.008
	+ Thuế nhà Thầu	38.217.733	385.772.435	374.242.218	49.747.950
	+ Thuế môn bài	(3.000.000)	11.500.000	8.500.000	-
4.	Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	285.150.000	285.150.000	-
II	Các khoản phải nộp khác	3.585.398	573.696.429	527.679.791	49.602.036
	Các khoản phải nộp khác	3.585.398	573.696.429	527.679.791	49.602.036
	Cộng	3.206.036.832	11.125.067.933	9.413.784.935	4.917.319.830

15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hải Minh	5.544.093.465	95.987.914
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	417.287.865	2.287.303.830
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	159.514.876	1.350.891.152
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	532.284.494	-
Cộng	6.653.180.700	3.734.182.896

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

16. Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	-	1.765.160.115	1.361.911.136	51.838.129.947	16.456.246	130.485.127.444
Tăng vốn trong năm trước	-	-	(1.901.520.795)	-	-	-	-	(1.901.520.795)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	34.691.869.980	-	34.691.869.980
Thuế TNDN năm 2009 được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	7.492.877	7.492.877
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	286.200.000	650.000.000	-	-	936.200.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	(18.773.880.012)	(16.456.246)	(18.790.336.258)
Số dư cuối năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	(1.901.520.795)	2.051.360.115	2.011.911.136	67.756.119.915	-	145.421.340.371
Số dư đầu năm nay	56.163.800.000	19.339.670.000	(1.901.520.795)	2.051.360.115	2.011.911.136	67.756.119.915	-	145.421.340.371
Tăng trong kỳ	17.411.160.000	-	-	-	-	-	-	17.411.160.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	39.830.872.780	-	39.830.872.780
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	(2.670.377.835)	-	-	-	-	(2.670.377.835)
Chia lợi nhuận trong kỳ(*)	-	-	-	-	-	(22.376.341.618)	-	(22.376.341.618)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.156.400.000	(726.865.879)	-	429.534.121
Giảm khác	-	(17.411.160.000)	-	-	-	-	-	(17.411.160.000)
Số dư cuối năm nay	73.574.960.000	1.928.510.000	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	-	160.635.027.819

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Cổ phiếu

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.357.496	5.616.380
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.179.906	5.438.790
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	177.590	177.590
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	130.200	130.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	130.200	130.200
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.227.296	5.486.180
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.049.706	5.308.590
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	177.590	177.590

(*) *Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.*

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	34.382.319.936	17.090.921.677
Dịch vụ vận tải	13.912.184.590	9.475.137.057
Dịch vụ khai thác cảng	9.932.103.469	6.168.808.591
Dịch vụ đại lý	10.402.230.811	491.648.070
Dịch vụ khác	135.801.066	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	33.551.539.702	25.259.417.473
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	41.116.023.462	37.214.473.660
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	8.784.697.320	7.557.421.994
Cộng	117.834.580.420	103.257.828.522

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	23.462.852.094	25.107.183.719
Dịch vụ vận tải	14.154.931.493	17.543.587.827
Dịch vụ khai thác cảng	6.002.220.635	6.025.994.869
Dịch vụ đại lý	3.305.699.966	1.537.601.023
Dịch vụ khác	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	24.631.340.065	19.178.363.832
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	33.808.358.192	28.777.188.954
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	8.598.575.092	6.390.806.627
Cộng	90.501.125.443	79.453.543.132

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	4.977.729.730	4.573.756.343
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.292.335.772	1.749.145.159
Chênh lệch tỷ giá thực hiện	685.380.458	964.590.480
Đầu tư chứng khoán	13.500	1.786.550.000
Góp vốn liên doanh	-	-
Khác	-	67.500.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	825.967.822	821.822.301
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.386.541.814	658.735.035
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	95.885.894	111.904.473
Cộng	7.286.125.260	6.166.218.152

4. Chi phí tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	196.133.034	121.294.270
Đầu tư chứng khoán	149.956.554	94.227.720
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	46.176.480	27.066.550
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.048.701	20.837.780
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	104.330.104	380.751.777
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	24.218	529.947
Cộng	301.536.057	523.413.774

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hải Minh	5.376.515.793	4.495.690.664
Chi phí nhân viên quản lý	1.956.670.381	1.304.959.972
Chi phí vật liệu quản lý	87.147.750	84.789.450
Chi phí đồ dùng văn phòng	130.075.754	157.118.720
Chi phí khấu hao TSCĐ	174.304.494	110.530.731
Thuế. phí. lệ phí	43.690.075	32.949.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.918.289.867	1.635.941.722
Chi phí bằng tiền khác	1.066.337.472	1.169.400.922
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	2.199.272.310	2.099.298.768
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.843.136.896	1.613.631.722
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	1.316.323.536	1.215.716.500
Cộng	10.735.248.535	9.424.337.654

6. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.298.725.052	124.846.806
Thanh lý TSCĐ	1.220.000.000	124.545.454
Thu các khoản nợ không xác định được chủ nợ	78.725.052	-
Các khoản thu nhập khác	-	301.352
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	218.181.818	124.818.181
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-
Cộng	1.516.906.870	249.664.987

7. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	206.834.603	45.205.881
Thanh lý TSCĐ	205.334.603	-
Phạt chậm nộp	1.500.000	44.904.529
Các khoản chi phí khác	-	301.352
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	237.858.604	2.114.826.320
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	371.782	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	1.748.701
Cộng	445.064.989	2.161.780.902

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chỉ tiêu	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	47.168.255.980
Điều chỉnh tăng	372.295.396
+ <i>Phạt vi phạm hành chính</i>	317.173.556
+ <i>Phạt vi phạm lĩnh vực thuế</i>	55.121.840
Điều chỉnh giảm	21.783.735.028
Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	25.756.816.348
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm ở mức 20%	535.374.341
- Thuế suất thuế TNDN theo thuế suất 20%	20%
- Thuế suất TNDN theo thuế suất 25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.(20%)	107.074.868
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.(25%)	6.308.496.866
Thuế thu nhập được miễn giảm 30% theo thông tư 154/TT/BTC ngày 11/11/2011	1.919.009.286
Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong năm	4.496.562.448

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	5.616.380
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	1.741.116
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	130.200
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	5.612.593
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	39.830.872.780
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	7.097

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2011 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Phải thu			19.527.859.945
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	1.917.885.000
C.ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	Công ty liên kết	Doanh thu giao nhận (thu hộ SAMUDERA)	10.843.739.917
Cộng			32.289.484.862

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)


Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011

Phải thu	3.667.006.921
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	690.070.000
C.ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	2.976.936.921

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012


NGUYỄN QUỐC HÙNG
Giám đốc


NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng